

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VINH  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/KDTM-ST

Ngày: 28-7-2022

*Về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH – TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hoa

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Quốc Đầu – Bà Phan Kim Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:**

Bà Đậu Thị Hoài - Chức vụ : Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân Thành phố Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 29/2022/TLST-KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bạch Thị T - Chủ doanh nghiệp, Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân A; Địa chỉ: Số nhà 299, đường L, tổ 4, phường B, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1983; Nơi ĐKKHKT: xóm T, xã K, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi ở hiện nay: khối H, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An – có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư B; Địa chỉ: số 1, đường Nguyễn Du, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ C – Giám đốc Công ty – vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện nguyên đơn là Bà Bạch Thị T - Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân A và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư B (Viết tắt là Công ty B) là khách hàng đối tác của Doanh nghiệp tư nhân A do bà Bạch Thị T làm Chủ doanh

ng nghiệp trong lĩnh vực cung ứng vật liệu xây dựng sắt thép, xi măng các loại. Sau quá trình bàn bạc và thảo luận hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 203/2017/HĐMB ngày 20/3/2017 với nội dung như sau: Doanh nghiệp tư nhân A bán cho Công ty B các loại hàng hóa Xi măng, sắt thép các loại. Số lượng và chủng loại theo từng đơn hàng cụ thể phụ thuộc vào yêu cầu của Công ty B. Đơn giá là giá thỏa thuận theo từng thời điểm áp dụng theo từng lô hàng, được bên bán thông báo trước khi giao nhận hàng. Bên Doanh nghiệp tư nhân A giao hàng cho bên Công ty B sau khi hai bên thực hiện ký kết hợp đồng; Địa điểm giao hàng tại Công trình xã Phú Thịnh – huyện Yên Sơn – tỉnh Tuyên Quang; Bên Công ty B có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa khi nhận hàng; Bên Công ty B thanh toán trước và ngay giá trị từng lô hàng sau khi Bên Doanh nghiệp tư nhân A giao hàng. Bên Công ty B phải hoàn tất thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày Doanh nghiệp tư nhân A giao hàng; Nếu vượt thời hạn thanh toán, bên Công ty B phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của ngân hàng tại thời điểm cho số tiền chậm trả và bên Doanh nghiệp tư nhân A sẽ ngừng cấp hàng, đồng thời bên Công ty B vẫn phải thực hiện trách nhiệm trả tiền; Thời gian tính lãi không quá 01 tháng.

Thực hiện hợp đồng mua bán, Doanh nghiệp tư nhân A đã cung cấp cho Công ty B các mặt hàng bao gồm sắt thép, xi măng các loại cho công trình xây dựng mà Công ty B đang thi công. Tất cả những lần cung cấp vật liệu xây dựng theo yêu cầu của Công ty B, Doanh nghiệp tư nhân A đều xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty B theo đúng quy định pháp luật. Sau nhiều lần đối chiếu công nợ thì Công ty B đều thanh toán không đầy đủ và vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 31/3/2018, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ sau cùng, lập biên bản ghi nhận tính đến hết ngày 31/3/2018, Công ty B còn nợ Doanh nghiệp tư nhân A số tiền 291.506.369 đồng. Sau khi lập Biên bản đối chiếu công nợ trên thì sau ngày 31/3/2018 đến ngày 30/01/2019, Công ty B đã thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân A thành nhiều đợt với tổng số tiền đã thanh toán là 205.000.000 đồng (Cụ thể: vào ngày 06/8/2018 thanh toán số tiền 40.000.000 đồng; ngày 27/9/2018 thanh toán số tiền 50.000.000 đồng; ngày 22/10/2018 thanh toán số tiền 50.000.000 đồng; ngày 04/01/2019 thanh toán 25.000.000 đồng; ngày 30/01/2019 thanh toán 40.000.000 đồng). Sau đó Công ty B tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 31/01/2019 cho đến nay. Hiện Công ty B còn nợ Doanh nghiệp tư nhân A số tiền gốc mua bán hàng hóa là 86.506.369 đồng. Mặc dù Doanh nghiệp tư nhân A đã nhiều lần yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh do chậm thanh toán nhưng Công ty B vẫn vi phạm.

Nay, bà Bạch Thị T - Chủ doanh nghiệp tư nhân A yêu cầu Công ty B phải thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân A:

- Tiền nợ hàng hóa chưa thanh toán: 86.506.369 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán trên dư nợ gốc của từng thời điểm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 49.346.180 đồng.

*Bị đơn là Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư B (Viết tắt là Công ty B) vắng mặt tại phiên tòa.* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho Công ty B nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không T lấy ý kiến, quan điểm của bị đơn trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

*Về phần thủ tục tố tụng:* Về thủ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định bảo đảm quyền lợi nghĩa vụ của họ. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn đã vắng mặt nhiều lần không có lý do nên đã không chấp hành các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt Bị đơn là có căn cứ và đúng theo quy định của Pháp luật.

*Về nội dung:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 24, 50, 55, 306 Luật thương mại năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Bạch Thị T - Chủ doanh nghiệp, Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân A.

Buộc Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư B phải có trách nhiệm thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân A số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 203/2017/HĐMB ngày 20/3/2017 với số tiền 135.852.549 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc tiền mua bán hàng hóa là 86.506.369 đồng; Nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử 28/7/2022 là 49.346.180 đồng.

**2.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/7/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp khi khởi kiện.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Bạch Thị T là Chủ doanh nghiệp, đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân A khởi kiện yêu cầu buộc Công ty B có trụ sở chính tại số 1, đường N, phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ Hợp đồng mua bán hàng hóa. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vinh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về việc vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền gốc còn nợ từ Hợp đồng mua bán hàng hóa:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Doanh nghiệp tư nhân A do bà Bạch Thị T làm Chủ doanh nghiệp và Công ty B có ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 203/2017/HĐMB ngày 20/3/2017. Hợp đồng này thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Doanh nghiệp tư nhân A đã cung cấp vật tư xây dựng cho Công ty B theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng về số lượng, chất lượng, phương thức giao nhận theo yêu cầu của Công ty B. Ngày 31/3/2018, các bên đã tiến hành đối chiếu công nợ lẫn nhau, xác nhận tính đến hết ngày

31/3/2018, Công ty B còn nợ Doanh nghiệp tư nhân A số tiền 291.506.369 đồng. Sau khi lập Biên bản đối chiếu công nợ trên thì từ ngày 06/8/2018 đến ngày 30/01/2019, Công ty B đã thanh toán thành nhiều đợt cho Doanh nghiệp tư nhân A với tổng số tiền đã thanh toán là 205.000.000 đồng. Sau đó Công ty B tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 31/01/2019 cho đến nay. Hiện Công ty B còn nợ Doanh nghiệp tư nhân A số tiền gốc mua bán hàng hóa là 86.506.369 đồng (Tám mươi sáu triệu, năm trăm linh sáu nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng). Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên nhưng Công ty B vẫn vi phạm. Hội đồng xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ gốc là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu lãi suất do chậm thanh toán:

Tại Điều 3 Hợp đồng mua bán hàng hóa quy định Công ty B phải hoàn tất thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày Doanh nghiệp tư nhân A giao hàng. Nếu vượt quá thời hạn thanh toán, Công ty B phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của ngân hàng tại thời điểm cho số tiền chậm trả và bên Doanh nghiệp tư nhân A sẽ ngừng cấp hàng, đồng thời bên Công ty B vẫn phải thực hiện trách nhiệm trả tiền. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đều đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng ....thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Xét về áp dụng mức lãi suất chậm trả thì thấy rằng: Theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân Tối Cao xác định tiền lãi suất trung bình do chậm thanh toán quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005, căn cứ vào chứng cứ do Tòa án thu thập T hiện lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của các ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam) trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với khoản vay trung hạn là 11,5%/năm nhưng nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất chậm trả bị đơn phải chịu là 10%/năm, thấp hơn mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 nên được chấp nhận.

Xét về thời gian tính lãi suất chậm trả thì thấy rằng, vào ngày 31/3/2018, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ lẫn nhau, xác nhận tính đến hết ngày 31/3/2018, Công ty B còn nợ Doanh nghiệp tư nhân A số tiền 291.506.369 đồng. Từ ngày 06/8/2018 đến ngày 30/01/2019, Công ty B đã thanh toán thành nhiều đợt cho Doanh nghiệp tư nhân A với tổng số tiền đã thanh toán là 205.000.000 đồng (Cụ T: vào ngày 06/8/2018 thanh toán số tiền 40.000.000 đồng; ngày 27/9/2018 thanh toán số tiền 50.000.000 đồng; ngày 22/10/2018 thanh toán số tiền 50.000.000 đồng; ngày 04/01/2019 thanh toán 25.000.000 đồng; ngày 30/01/2019 thanh toán 40.000.000 đồng). Sau đó Công ty B tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 31/01/2019 cho đến nay. Do đó thời hạn chậm trả tính từ ngày 31/3/2018 đến thời điểm xét xử ngày 28/7/2022 tương ứng với dư nợ gốc tại từng thời điểm thanh toán với tổng số tiền lãi là 49.346.180 đồng (Bốn mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi đồng), cụ T:

- Từ ngày 31/3/2018 đến ngày 06/8/2018:  $291.506.369đ \times 10\%/năm \times 129 \text{ ngày} = 10.302.554 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 07/8/2018 đến ngày 27/9/2018:  $251.506.369đ \times 10\%/năm \times 51 \text{ ngày} = 3.514.199 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 28/9/2018 đến ngày 22/10/2018:  $201.506.369 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 25 \text{ ngày} = 1.380.181 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 23/10/2018 đến ngày 04/01/2019:  $151.506.369đ \times 10\%/năm \times 73 \text{ ngày} = 3.030.127 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 05/01/2019 đến ngày 30/01/2019:  $126.506.369đ \times 10\%/năm \times 26 \text{ ngày} = 901.141 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 31/01/2019 đến ngày 28/7/2022:  $291.506.369 \text{ đ} \times 10\%/năm \times 1275 \text{ ngày} = 30.217.978 \text{ đồng}$ .

[2.3]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp khi khởi kiện.

[2.4]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 24, 50, 55, 306 Luật thương mại năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Bạch Thị T - Chủ doanh nghiệp, Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân A.

Buộc Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư B phải có trách nhiệm thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân A số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 203/2017/HĐMB ngày 20/3/2017 với số tiền 135.852.549 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc tiền mua bán hàng hóa là 86.506.369 đồng; Nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử 28/7/2022 là 49.346.180 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/7/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư B phải chịu số tiền 6.792.627 đồng (Sáu triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm hai mươi bảy đồng) án phí KDTM sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Bạch Thị T là người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân A số tiền tạm ứng án phí 3.985.200 đồng (Ba triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo Biên lai số 0001308 ngày 19/01/2022.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- Chi cục THS dân sự TP Lào Cai;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Ngô Thị Hoa**

